TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:09/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31/01/2024
V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tùng

Ông Châu Văn Hải

Thư ký phiên tòa***:*** Bà Hồ Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 31/01/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023, về việc: "Tranh chấp xin ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐST – HNGĐ ngày 25/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Xuân N, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông N về phần tài sản và nợ chung: Nguyễn Diễm T, sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

Bị đơn: Phạm Thị Hoàng O, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T và chị O có mặt, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Anh Nguyễn Xuân N trình bày*: Nguyên vào năm 2022, do được người quen mai mối, anh và chị Phạm Thị Hoàng O (gọi tắt là O) có tìm hiểu nhau anh biết chị O là công nhân tại Công ty ở B. Đối với anh khoảng cách không là gì, anh luôn tạo cơ hội để anh và chị O gặp gỡ cũng như thường xuyên nhắn tin, gọi điện thoại với nhau, lâu dần anh chị đem lòng yêu thương nhau. Vì tin

rằng đã hiểu nhau và thật lòng yêu thương nhau, đồng thời được sự chấp thuận của cha mẹ hai bên nên vào ngày 01/9/2022 (nhằm ngày 06/8/2022 âm lịch), anh chị tổ chức lễ hỏi, dưới sự chúc phúc và chứng kiến của họ hàng hai bên. Sau lễ hỏi, chị O hứa sẽ xin nghỉ việc ở Công ty tại B để chuẩn bị cho lễ cưới sắp tới, đồng thời sau lễ cưới sẽ về sống với gia đình anh ở T1 để gần gũi, chăm lo cho anh và gia đình. Cho đến ngày 11 – 12/11/2022 (nhằm ngày 18 – 19/10/2022 âm lịch), anh chị tổ chức lễ cưới, chưa đăng ký kết hôn. Cứ ngỡ từ ngày chính thức nên duyên nghĩa vợ chồng thì anh chị sẽ càng quấn quýt, mặn nồng cùng nhau xây dựng tương lai. Tuy nhiên, sau đám cưới chị O có xin phép anh được trở lại B tiếp tục làm việc do thủ tục xin nghỉ việc bị trục trật nên chưa thể nghỉ việc ngay được. Sau một tháng làm việc, chị O trở về và thông báo rằng đã hoàn tất thủ tục xin nghỉ việc, từ nay sẽ toàn tâm chăm lo cho gia đình. Nhưng chị O chỉ ở nhà 02 ngày ngắn ngủi, chị O xin về nhà mẹ ở xã H, huyện T1 chơi và để làm căn cước công dân. Từ lần đi này, chị O đã xóa số điện thoại và cắt đứt hết thông tin liên lạc với anh. Nhận thấy không còn khả năng níu kéo hạnh phúc được nữa nên anh N yêu cầu không công nhận hôn nhân giữa anh và chị O là vợ chồng.

- Về quan hệ nuôi con: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Diễm T là đại diện theo ủy quyền của ông N về phần tài sản và nợ chung trình bày:

- Về quan hệ tài sản chung: Có 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24kara (vàng thị trường), hiện chị O đang giữ. Anh Nguyễn Xuân N (gọi tắt là N) yêu cầu chia đôi 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24kara (vàng thị trường), anh Nguyễn Xuân N yêu cầu chị O giao cho anh 10 (Mười) chỉ vàng 24kara (vàng thị trường).

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vào lúc 17 giờ 05 phút ngày 30/01/2024, chị T có nộp đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có nội dung: Căn cứ theo cuộc đối thoại qua điện thoại giữa chị T và chị N (chị bà con của chị O), chị N cung cấp thông tin cho chị T biết là vào lúc 24 giờ 00 phút ngày 30/01/2024, chị O sẽ xuất cảnh sang Nhật để xuất khẩu lao động. Việc chị O xuất cảnh sang Nhật sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình thi hành án sau này, nên chị T yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp " Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ" là chị Phạm Thị Hoàng O, sinh năm 2000, địa chỉ ấp 3, xã H, huyện T1, Đồng Tháp.

Chị Phạm Thị Hoàng O trình bày: Chị và anh N cưới nhau năm 2022, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên không thể sống chung. Nay chị O đồng ý yêu cầu của anh N về việc không công nhận hôn nhân giữa anh N và chị là vợ chồng.

- Quan hệ nuôi con: Thống nhất với lời trình bày của anh N, không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn là vợ chồng anh chị có 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24kara (vàng thị trường), hiện chị đang

giữ. Sau khi ly hôn chị đồng ý chia đôi số vàng trên, chị đồng ý giao trả cho anh Nguyễn Xuân N 10 (Mười) chỉ vàng 24 kara (vàng thị trường).

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn với bị đơn nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Phạm Thị Hoàng O có địa chỉ tại ấp 3, xã H, huyện T1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Việc nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân N có đơn xin xét xử vắng mặt là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét cử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.4] Theo đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của chị Nguyễn Diễm T về việc áp dụng biện pháp "Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ" theo quy định tại Điều 128 Bộ luật tố tụng Dân sự đối với chị Phạm Thị Hoàng O vì có thông tin cho rằng chị O sẽ xuất cảnh sang Nhật vào lúc 24 giờ 00 phút ngày 30/01/2024 và tài liệu chứng cứ chứng minh mà chị T đã nộp cho Tòa án là một file ghi âm ghi nhận nội dung cuộc đối thoại giữa chị T và chị N (chị bà con của chị O) về việc chị N cung cấp thông tin chị O sẽ xuất cảnh sang Nhật vào lúc 24 giờ 00 phút ngày 30/01/2024, ngoài ra không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác. Tuy nhiên, lúc 8 giờ 00 phút ngày 31/01/2024 chị O đã có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 443/2023/HNGĐ – ST ngày 06/11/2023. Điều này cho thấy căn cứ chị T nêu ra tại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề ngày 30/01/2024 là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận áp dụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Đối với yêu cầu của anh N về việc không công nhận hôn nhân giữa anh N và chị O là vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm kết hôn năm 2022, anh Nguyễn Xuân N 30 tuổi, chị Phạm Thị Hoàng O 22 tuổi theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì anh N và chị O có đủ điều kiện kết hôn, nhưng hai bên không đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Cụ thể tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định như sau:

"*Việc kết hôn phải được đăng ký và do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Bên cạnh đó, theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…*".

Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay chị O trình bày giữa chị và anh N bất đồng quan điểm sống nên không thể sống chung và chị đồng ý theo yêu cầu của anh N là không công nhận hôn nhân giữa anh N và chị là vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh Nguyễn Xuân N và chị Phạm Thị Hoàng O không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên yêu cầu của anh N về việc không công nhận hôn nhân giữa anh và chị O là vợ chồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về quan hệ nuôi con: Theo lời trình bày của chị O và lời trình bày của anh N tại biên bản hòa giải tài sản và con đề ngay 25/01/2024, anh chị thống nhất không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét

[4] Về quan hệ tài sản chung : Theo lời trình bày của chị O và lời trình bày của chị Nguyễn Diễm T là đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Xuân N về phần tài sản và nợ chung: Hội đồng xét xử xét thấy anh chị thống nhất có tài sản chung là 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24kara (vàng thị trường), hiện chị O đang giữ, chị O đồng ý với yêu cầu của anh N về việc chia đôi 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24kara (vàng thị trường), chị O đồng ý giao trả lại cho anh Nguyễn Xuân N 10 (Mười) chỉ vàng 24 kara (vàng thị trường), xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nợ chung Theo lời trình bày của chị O và lời trình bày của chị Nguyễn Diễm T là đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Xuân N về phần tài sản và nợ chung: Hội đồng xét xử xét thấy anh , chị thống nhất không có nợ ai, không có ai nợ anh chị và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Xuân N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.565.000đ (Một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 997.000đ (Chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002516 ngày 03/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Anh Nguyễn Xuân N phải nộ 568.000đ (Năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Chị Phạm Thị Hoàng O phải nộp 1.565.000đ (Một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự và không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Xuân N (đối với phần tài sản và nợ chung) và chị Phạm Thị Hoàng O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Đối với quan hệ hôn nhân gia đình và quan hệ nuôi con, anh Nguyễn Xuân N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Xuân N. Không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Xuân N và chị Phạm Thị Hoàng O là vợ chồng;

- Về quan hệ nuôi con: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về quan hệ tài sản: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Nguyễn Xuân N và chị Phạm Thị Hoàng O về việc chia đôi 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24kara (vàng thị trường), cụ thể như sau:

Chị Phạm Thị Hoàng O được chia 10 (Mười) chỉ vàng 24kara (vàng thị trường), hiện chị O đang giữ;

Anh Nguyễn Xuân N được chia 10 (Mười) chỉ vàng 24kara (vàng thị trường), hiện chị O đang giữ;

Chị Phạm Thị Hoàng O có nghĩa vụ giao lại cho anh Nguyễn Xuân N 10 (Mười) chỉ vàng 24kara (vàng thị trường);

Kể từ ngày anh Nguyễn Xuân N có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Phạm Thị Hoàng O chưa thi hành xong số vàng trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật (nếu có) tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Không áp dụng biện pháp "Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ" quy định tại Điều 128 Bộ luật tố tụng dân sự đối với chị Phạm Thị Hoàng O, sinh năm 2000, địa chỉ ấp 3, xã H, huyện T, Đồng Tháp theo như yêu cầu của chị Nguyễn Diễm T là đại diện theo ủy quyền của anh N về phần tài sản

và nợ chung tại đơn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề ngày 30/01/2024.

- Về án phí: Anh Nguyễn Xuân N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.565.000đ (Một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 997.000đ (Chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002516 ngày 03/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Anh Nguyễn Xuân N phải nộ 568.000đ (Năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Chị Phạm Thị Hoàng O phải nộp 1.565.000đ (Một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự và không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Xuân N (đối với phần tài sản và nợ chung) và chị Phạm Thị Hoàng O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Đối với quan hệ hôn nhân gia đình và quan hệ nuôi con, anh Nguyễn Xuân N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngay nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND Tỉnh;
-VKSND cùng cấp;
-Chi cục THADS Huyện;
-Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
-Đương sự;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (D).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Diệu